

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Vũ Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lữ Văn Công

2. Bà Trịnh Thị Ngọc Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Như Ý. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX – ST, ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bùi Thị Kiều M, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Trú tại: Khu vực A, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**- Bị đơn:** Trần Minh N, sinh năm: 1985 (Có mặt).

Trú tại: Khu vực A, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/12/2023 và quá trình tố tụng chỉ Bùi Thị Kiều M trình bày:

Chị Bùi Thị Kiều M và anh Trần Minh N tổ chức lễ cưới theo truyền thống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Ngã Bảy) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 55/2010, ngày 09/7/2010. Hôn nhân anh, chị tự nguyện có tìm hiểu nhau trước và có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau thời gian chung sống cả hai bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm

sống thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, khó khăn về tài chính. Khi sống chung tiền của ai mới sử dụng, chi phí sinh hoạt trong gia đình ai thấy thiếu người đó mua, chi phí học hành con chung thì anh N lo. Từ đó cả hai thường xuyên cãi nhau và ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Nay Chị M không còn tình cảm nên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Minh N.

Về con chung: Có 03 con chung cháu Trần T, giới tính: Nam, sinh ngày 01/4/2011, cháu Trần Quốc T, giới tính: Nam, sinh ngày: 03/4/2013 và cháu Trần Thị Huyền T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 15/02/2017. Từ khi ly thân đến nay 03 con chung sống với anh N. Tại phiên tòa Chị M thống nhất giao cháu Trần T; Quốc T và Huyền T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 03 cháu đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng anh Trần Minh N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị M về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng; Về hôn nhân: Quá trình chung sống cả hai bất đồng ý kiến thường xảy ra mâu thuẫn do Chị M đi đám về trễ khi anh N điện hỏi sau đó cả hai cãi nhau. Trong quá trình chung sống chi tiêu sinh hoạt trong gia đình ban đầu tài chính Chị M quản lý và sau đó anh N kê ghi chép vào sổ để nhớ nhưng Chị M cho rằng anh tính toán và cả hai cãi nhau. Nên cả hai tự sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Nay Chị M yêu cầu xin ly hôn anh không đồng ý, muốn hàn gắn cùng nhau chăm sóc con chung.

Về con chung: Có 03 con chung gồm: cháu Trần T, giới tính: Nam, sinh ngày 01/4/2011, cháu Trần Quốc T, giới tính: Nam, sinh ngày: 03/4/2013 và cháu Trần Thị Huyền T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 15/02/2017. Từ khi ly thân đến nay 03 con chung sống với anh N. Nếu ly hôn anh N yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung và chưa yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Kiều M đối với anh Trần Minh N; Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị M và anh N thống nhất giao các cháu Trần T, Trần Quốc T và Trần Thị Huyền T cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi

03 con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét; Về án phí: Chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Trần Minh N có đăng ký thường trú tại Khu vực A, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kiều M và anh Trần Minh N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010 và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn (vào ngày 09/7/2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 55/2010) tại Ủy ban nhân dân phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (Nay là thành phố Ngã Bảy) theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, do bất đồng ý kiến với nhau, không hợp nhau về tính cách, anh, chị không thông cảm và chia sẻ lẫn nhau, khó khăn về tài chính vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cả hai ly thân tự sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải động viên nguyên đơn và bị đơn xóa bỏ những mâu thuẫn trước đây để đoàn tụ vợ chồng. Nhưng nguyên đơn Chị M vẫn cương quyết ly hôn; Anh N muốn hàn gắn nhưng chưa đưa được giải pháp thuyết phục Chị M và Hội đồng xét xử. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị M cương quyết yêu cầu xin ly hôn. Nên việc chị Bùi Thị Kiều M xin ly hôn với anh Trần Minh N là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh, chị. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Kiều M đối với anh Trần Minh N phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị Bùi Thị Kiều M và anh Trần Minh N thống nhất thỏa thuận. Anh N tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung gồm: Trần T, cháu Trần Quốc T và cháu Trần Thị Huyền T. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vừa là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Khi cha, mẹ ly hôn các con đã mất đi điểm tựa quan trọng là mái ấm gia đình có cha lẫn mẹ nên việc giao con cho cha mẹ ly hôn phải cân nhắc đến quyền lợi về mọi mặt của con, và 03 con chung có nguyện vọng sống với anh N. Xét thấy sự thỏa

thuận của anh, chị không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Giao các cháu Trần T, cháu Tuấn và cháu Huyền T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 03 cháu gồm Trần, Tuấn, Huyền T đủ 18 (mười tám) tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho Chị M không ai được quyền ngăn cản.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **- Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Kiều M. Cho chị Bùi Thị Kiều M được ly hôn với anh Trần Minh N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị M và anh N thống nhất giao 03 con chung gồm: Cháu Trần T, giới tính: Nam, sinh ngày: 01/4/2011; cháu Trần Quốc T, giới tính: Nam, sinh ngày: 03/4/2013 và cháu Trần Thị Huyền T, giới tính: Nữ; sinh ngày: 15/02/2017 cho anh Trần Minh N nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần T, cháu Tuấn và cháu Huyền T đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Bùi Thị Kiều M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho Chị M không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Kiều M phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005684 ngày 30/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Bùi Thị Kiều M không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND TP. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS TP. Ngã Bảy;
- UBND phường Lái Hiếu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa  
(Đã ký)**

**Lê Thị Vũ Tiên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**\*Các hội thẩm nhân dân**

## Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**Lê Thị Vũ Tiên**